SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 24/09/2026; 14:45:50 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3974 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển giao 147 cơ sở nhà, đất về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để quản lý, khai thác

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Thông báo số 580-TB/TU ngày 16/09/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương giao Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện nhiệm vụ cho thuê ngắn hạn theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026 của Chính phủ đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư, đã chuyển giao về Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 9651/STC-QLCS ngày 21/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phương án xử lý đối với 147 cơ sở nhà, đất đã chuyển giao về Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố xử lý, khai thác sang hình thức chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

(Chi tiết danh mục cơ sở nhà, đất điều chỉnh phương án theo Phụ lục gửi kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tổ chức thực hiện bàn giao tài sản theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Về danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận: các cơ quan, đơn vị kiểm kê hiện trạng nhà, đất, công trình trên đất và tài sản khác gắn liền với nhà, đất để thống nhất danh mục cụ thể và thực hiện bàn giao, tiếp nhận và đưa vào trong Biên bản bàn giao, tiếp nhận.

2. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

- Tiếp nhận tài sản là nhà, đất, công trình trên đất và các tài sản khác gắn liền với nhà, đất theo danh mục kiểm kê hiện trạng từ các đơn vị có tài sản chuyển giao theo quy định. Trường hợp có thay đổi về thông tin diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại của các tài sản theo hồ sơ pháp lý khi thực hiện bàn giao, các đơn vị căn cứ vào hồ sơ pháp lý để thực hiện hạch toán tài sản theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính.

- Sau khi tiếp nhận tài sản, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện trình tự, thủ tục để xử lý theo khoản 7 Điều 37 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ; thực hiện quản lý, khai thác theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

- Cập nhật thông tin kết quả quản lý, xử lý, khai thác nhà, đất lên Phần mềm theo dõi, tổng hợp tình hình sắp xếp, xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13183/BTC-QLCS trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày hoàn thành việc xử lý nhà, đất được giao xử lý, khai thác.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị các thủ tục có liên quan sau khi bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở nhà, đất và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: TC, XDCT, NNMT;
- Lưu: VT, Đ.D.Hưng.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Trung Kiên

DANH MỤC 147 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHUYỂN GIAO VỀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU ĐỂ QUẢN LÝ, KHAI THÁC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 31/2026/NQ-CP NGÀY 24/06/2026 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
1	Nhà văn hóa thôn Đông Thái	Xã Vĩnh Bảo	147	151	5.439.000.000	192.900.000	118.981.952	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
2	Thanh tra Sở Xây dựng cũ	03 Hồ Xuân Hương, Hồng Bàng	268	511	13.378.000.000	4.123.000.000	1.120.000.000	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
3	Trụ sở UBND xã Hoàng Châu cũ(thôn Đình)	Đặc khu Cát Hải	717	282	1.677.312.000	1.429.821.000	1.055.772.000	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
4	Trụ sở UBND xã Hiền Hào cũ(thôn 2 Hiền Hào)	Đặc khu Cát Hải	2.698	849	14.568.120.000	8.814.401.000	7.411.518.500	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
5	Trụ sở UBND xã Nghĩa Lộ cũ(thôn Minh Hồng)	Đặc khu Cát Hải	788	571	2.049.060.000	3.869.772.000	1.192.201.824	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
6	Trạm Y tế đặc khu Cát Hải số 3 - Trạm Y tế xã Văn Phong cũ (Thôn Phong Niên)	Đặc khu Cát Hải	850	340	12.750.000.000	4.652.117.000	1.528.585.550	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
7	Trạm Y tế đặc khu Cát Hải số 5 - Trạm Y tế xã Hoàng Châu cũ	Đặc khu Cát Hải	1.412	140	7.061.500.000	2.687.233.000	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
8	Trạm Y tế đặc khu Cát Hải số 6 - Trạm Y tế xã Đồng Bài cũ	Đặc khu Cát Hải	508	81	3.556.000.000	65.238.000	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
9	Trụ sở Trung tâm Tư vấn, dịch vụ việc làm, hỗ trợ doanh nghiệp khu công nghiệp (cũ)	Đường Đức Minh, Phường Lê Thanh Nghị	900	300	30.780.000.000	695.176.000	181.138.714	4607/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
10	Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng cũ	Khu 3 Xã Tiên Lãng	558	160	6.462.000.000	1.287.088.000	104.456.170	1400/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
11	Trung tâm Hợp tác hữu nghị cũ	Km 47 Hoàng Ngân, Phường Việt Hòa	1.920	1.204	1.900.000.000	4.384.782.954	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
12	Nhà quản lý đường 352	Lê Ích Mộc	515	78	-	-	-	1144/QĐ-UBND ngày 31/03/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
13	Trung tâm Y tế Hải Dương - Khu Tiền Trung - 183 Tiền Trung	Phường Ái Quốc	2.618	1.107	106.029.000.000	776.865.000	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
14	Trụ sở đội thuế Tân Tiến cũ	Phường An Dương	305	52	762.500.000	47.268.000	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
15	Trụ sở UBND phường An Hải cs 2 (xã Quốc Tuấn cũ)	Phường An Dương	4.413	1.071	3.795.180.000	8.937.363.167	7,904.049.649	5272/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
16	Chi cục thuế huyện An Dương cũ	Phường An Dương	782	1.028	14.076.000.000	1.130.189.000	417.152.000	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
17	Trụ sở UBND thị trấn An Dương cũ	Phường An Dương	920	245	16.560.000.000	2.023.843.600	1.106.846.748	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
18	Trụ sở của Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông Hải Phòng (Số 692 Tôn Đức Thắng)	Phường An Dương	2.422	1.471	96.880.000.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
19	Trụ sở Đội thuế Ngũ Lão (cũ)	Phường Bạch Đằng	186	72	181.440.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
20	Trụ sở UBND phường Văn An	Phường Chu Văn An	5.666	1.120	34.913.000.000	12.634.370.764	7.782.920.602	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
21	Trụ sở UBND phường Chí Minh	Phường Chu Văn An	9.168	1.243	84.341.000.000	13.110.948.546	12.062.072.662	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
22	Trường mầm non thôn 2 - TDP thôn 2 Tràng Cát	Phường Hải An	157	38	785.000.000	-	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
23	Trụ Sở UBND phường + Nhà văn hóa phường Tràng Cát cũ - 28 đường Tràng Cát	Phường Hải An	9.179	1.750	21.748.000.000	6.981.362.000	2.254.638.584	1398/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
24	Nhà hát nhân dân, + Câu lạc bộ bóng bàn của Trung tâm Văn hóa, Nghệ thuật tỉnh thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương (số 6A phố Đô Lương)	Phường Hải Dương	6.662	2.287	58.625.600.000	1.220.060.000	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
25	Trụ sở BHXH thành phố tại số 2A Thất Khê, phường Hồng Bàng	Phường Hồng Bàng	1.047	2.774	43.348.680.000	7.950.059.146	3.207.702.967	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
26	Trung tâm y tế Hồng Bàng (Số 51,53 Tôn Đản, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng cũ)	Phường Hồng Bàng	73	73	4.380.000.000	-	-	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
27	Trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Hải Phòng (Số 03, Hồ Xuân Hương)	Phường Hồng Bàng	324	628	15.751.260.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
28	Số 20 Trần Hưng Đạo	Phường Hồng Bàng	178	110	26.700.000.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
29	Số 06 Hà Nội	Phường Hồng Bàng	475	577	33.271.000.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
30	Trụ sở BHXH Dương Kinh	Phường Hưng Đạo	2.097	1.039	37.756.800.000	17.357.541.764	6.213.586.848	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
31	Trụ sở UBND phường Quán Trữ cũ	Phường Kiến An	1.258	580	32.758.000.000	15.251.702.000	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
32	Trạm Phát sóng PTTH tại đồi Thiên Văn	Phường Kiến An	5.557		-	-	-	5123/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
33	Cơ sở nhà, đất KBNN Kiến An (cũ)	Phường Kiến An	1.062	687	26.550.000.000	2.471.794.852	-	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
34	Trạm y tế phường Bắc Sơn cũ (430 Lê Duẩn)	Phường Kiến An	253	285	108.704.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
35	Kho bạc Nhà nước Kinh Môn (cũ) thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực III 130 Trần Hưng Đạo	Phường Kinh Môn	1.825	909	20.565.000.000	4.274.452.426	904.433.460	1305/QĐ-UBND ngày 03/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
36	Trụ sở của các Hội, Đoàn thể tại Đồi phủ Kinh Môn	Phường Kinh Môn	5.730	3.108	24.064.710.000	2.040.041.000	370.208.200	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
37	Trụ sở Công an phường Long Xuyên (cũ)	Phường Kinh Môn	1.226	694	14.563.000.000	7.336.456.503	7.336.456.503	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
38	Trường MN Chính Mỹ cs1	Phường Lê Ích Mộc	348	240	840.000.000	208.620.000	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
39	Trụ sở Hội nông dân (cũ)	Phường Lê Thanh Nghị	5.151	1.380	9.500.000.000	15.676.536.000	5.643.552.960	185/QĐ-MTTQ-BTT ngày 13/02/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
40	Trụ sở Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hải Hưng cũ	Phường Lê Thanh Nghị	3.277	2.391	71.932.950.000	15.532.719.000	13.016.452.342	208/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
41	Trụ sở Sở Xây dựng (Sở Giao thông vận tải cũ) (79 Bạch Đằng)	Phường Lê Thanh Nghị	1.786	915	178.600.000.000	4.768.371.000	2.841.962.000	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
42	Sở Văn Hóa, thể thao và Du lịch (Sở Thể thao cũ) (75 Bạch Đằng)	Phường Lê Thanh Nghị	849	495	31.784.796.000	1.291.645.000	-	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
43	Hội Chữ thập đỏ Tp Hải Dương (cũ) (73 Bạch Đằng)	Phường Lê Thanh Nghị	40	40	4.050.000.000	-	-	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
44	Trụ sở Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hải Dương (cũ) tại đường Đỗ Ngọc Du, thành phố Hải Dương (cũ)	Phường Lê Thanh Nghị	3.000	1.506	15.740.000.000	5.154.900.000	1.741.525.596	185/QĐ-MTTQ-BTT ngày 13/02/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
45	Văn phòng Hội Khoa học kỹ thuật cầu đường cũ tại số 81 đường Thống Nhất, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương cũ (Thửa đất số 184 tờ bản đồ số 15)	Phường Lê Thanh Nghị	48	48	4.405.248.000	85.248.000	-	4985/QĐ-UBND ngày 8/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
46	Trụ sở cũ của Đội thuế bến Rừng (xã Tam Hưng cũ)	Phường Nam Triệu	137	62	-	-	-	5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
47	Trường mầm non Tam Hưng khu B (cũ)	Phường Nam Triệu	4.000	726	-	-	-	5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
48	Trụ sở UBND phường Duy Tân cũ (trụ sở xã Hoành Sơn cũ)	Phường Nhị Chiểu	5.610	1.555	40.392.000.000	5.837.139.388	1.396.049.887	4984/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
49	Trụ sở Phòng GD&DDT quận Kiến An cũ. (số 1231 Trần Nhân Tông)	Phường Phù Liễn	285	612	6.272.200.000	-	-	5091/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
50	Nhà làm việc tại Bến đò Hàn (Xí nghiệp giao thông vận tải Thành phố Hải Dương)	Phường Thành Đông	914					2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
51	Trường mầm non Thiên Hương(khu Trinh Hưởng- thôn 1)	Phường Thiên Hương	688	110	344.000.000	550.492.000	-	5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
52	Thuế cơ sở 4, phường Thiên Hương	Phường Thiên Hương	267	78	1.584.000.000	474.015.713	247.916.846	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
53	Hạt 398 phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh cũ	Phường Trần Hưng Đạo	970	132	15.451.265.000	-	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
54	Trụ sở Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa và chẩn đoán dịch hại thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Môi trường Km 4, đường Nguyễn Lương Bằng,	Phường Tứ Minh	1.202	558	8.413.300.000	582.429.000	-	5125/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
55	Trụ sở Sở Tài nguyên & Môi trường (cũ) Quốc lộ 5	Phường Tứ Minh	4.139	2.397	33.833.250.000	2.277.394.000	-	5125/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
56	VKSND huyện Cẩm Giàng	Phường Tứ Minh	1.488	403	4.183.980.000	865.991.000	-	1402/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
57	Nhà một cửa UBND TP Hải Dương cũ	Số 01 Đồng Xuân, Phường Lê Thanh Nghị	302	896	21.532.600.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
58	Trụ sở Sở Nội vụ Hải Dương cũ	Số 01 Phố Đô Lương, Phường Hải Dương	2.143					4384/QĐ-UBND ngày 02/11/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
59	Trụ sở Sở Tư pháp cũ	Số 02 Phố Phạm Sư Mệnh, Phường Hải Dương	992					349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
60	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Dương cũ	Số 113 Trần Hưng Đạo, Phường Hải Dương	1.319					5125/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
61	Trụ sở Sở Tài chính Hải Dương cũ	Số 15 Nguyễn Du, Phường Hải Dương	1.436	2.229	9.853.200.000	8.455.954.000	4.181.836.880	5123/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
62	Trụ sở Sở Khoa học và công nghệ Hải Dương cũ	Số 199 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị	1.710	1.979	102.195.000.000	5.794.739.652	1.013.931.408	5275/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
63	Trung tâm lưu trữ lịch sử cũ	Số 2 Thất Khê, Phường Hồng Bàng	1.139	1.190	51.241.500.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
64	Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hải Dương cũ	Số 4, Phạm Sư Mệnh, Phường Hải Dương	1.443	1.336	6.044.700.000	4.404.328.683	2.853.879.680	185/QĐ-MTTQ-BTT ngày 13/02/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
65	Trụ sở Thuế Bắc Sơn cũ	Số 428 đường Lê Duẩn, phường Phù Liễn	131	43	3.235.700.000	134.341.000	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
66	Trụ sở UBND phường Lãm Hà (cũ)	Số 5 Tân Hà	976	818	9.762.000.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
67	Trung tâm văn hóa thông tin thể thao thành phố Hải Dương cũ	Số 75 Quang Trung, Phường Hải Dương	332	1.328	16.794.140.000	1.362.082.000	-	4816/QĐ-UBND ngày 27/11/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
68	Trụ sở Sở Nội vụ (Sở LĐTBXH cũ)	Số 8 Phạm Sư Mệnh, Phường Hải Dương	1.972	1.770				4384/QĐ-UBND ngày 02/11/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
69	Nhà làm việc 4 tầng (DUCQ,HCCB,Đoàn TN, CĐVC)	Số 95, đường Bạch Đằng, Phường Hải Dương	3.522	443	111.035.590.000	5.236.038.994	578.891.293	2724/QĐ-UBND ngày 15/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
70	Trụ sở Chi cục chăn nuôi, thú y - Sở Nông nghiệp và Môi trường	Số 97 Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị	920	975	28.520.000.000	1.296.568.418	79.691.814	5125/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
71	Trụ sở Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Môi trường	Số 97 Nguyễn Lương Bằng, Phường Lê Thanh Nghị	886	480	27.453.600.000	930.922.364	335.679.551	5125/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
72	Kho bạc Nhà nước Thanh Hà cũ	Thanh Hà	1.654	1,242.0	13.608.000.000	12.227.507.279	6.821.481.246	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
73	Trường mầm non An Sơn	Thôn Cõi Hưng Sơn, Xã Thái Tân, TP Hải Phòng	2.801	1.390	14.005.000.000	4.289.783.683	1.132.093.430	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
74	Trụ sở Đội Thuế xã Kiến Quốc (cũ)	Thôn Cúc Bồ	140	80	4.844.000.000	222.623.000	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
75	Trụ sở Đội thuế Bến Khuể cũ	Thôn Đông Cầu, Xã Tiên Lãng	507	153	2.129.400.000	163.937.000	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
76	Điểm lẻ trường mầm non Đoàn Xá	Thôn Đông Xá, Xã Kiến Hải	2.433	450	24.330.000.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
77	Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND (UBND thị trấn Cát Hải cũ)	Thôn Hòa Hy, đặc khu Cát Hải	769	708	5.626.386.000	3.079.818.000	1.086.624.739	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
78	Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn Lương Xá Bắc	Thôn Lương Xá Bắc, Xã Phú Thái	5.029	744	40.232.000.000	2.269.456.000	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
79	Trụ sở HĐND-UBND xã Phương Hưng (cũ)	Thôn Ngà, Xã Gia Lộc, TP Hải Phòng	2.912	1.160	1.456.000.000	6.555.199.000	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
80	Điểm lẻ trường mầm non Đại Hợp	Thôn Quần Mục, Xã Kiến Hải	483	93	1.449.000.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
81	Điểm trường mầm non Tam Lượng, Xã Tân Tiến cũ	Thôn Tam Lương, Xã Gia Lộc, TP Hải Phòng	1.150	-	8.050.000.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
82	Mầm non Nguyệt Áng	Xã An Khánh	2.429	145	4.250.750.000	-	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
83	Trường mầm non An Tràng cũ	Xã An Lão	1.280	350	1.254.400.000	-	-	5120/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
84	Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão cũ (số 40 Nguyễn Chuyên Mỹ)	Xã An Lão	500	222	2.925.000.000	816.670.008	-	1400/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
85	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện An Lão cũ	Xã An Lão	217	400	2.750.292.000	-	-	5120/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
86	Trụ sở Ban Quản lý dự án núi Voi cũ (điểm 01)	Xã An Lão	828	434	4.142.000.000	-	-	5120/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
87	Kho dự trữ nhà nước Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giang	1.944	576	4.860.000.000	245.146.000	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
88	Trường Tiểu học Tây Hưng thôn Minh Hưng xã Tây Hưng cũ	Xã Chấn Hưng	4.712	1.120	10.837.600.000	-	-	4984/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
89	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc cũ	Xã Gia Lộc	1.297	400.0	7.782.000.000	3.570.183.558	773.751.092	1400/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
90	Trụ sở Chi cục thuế huyện Gia Lộc cũ	Xã Gia Lộc	981	831	5.818.684.000	1.761.362.000	117.370.002	725/QĐ-UBND ngày 02/03/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
91	Trụ sở Kho bạc nhà nước huyện Gia Lộc cũ	Xã Gia Lộc	1.000	670	4.754.000.000	1.028.137.811	-	725/QĐ-UBND ngày 02/03/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
92	Trụ sở Trạm Y tế Phương Hưng cũ	Xã Gia Lộc	706	270	6.777.600.000	613.162.323	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
93	Trụ sở Trạm Y tế Gia Hòa cũ	Xã Gia Lộc	1.142	300.0	8.222.400.000	4.205.591.000	2.186.907.320	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
94	Trụ sở Trạm Y tế Gia Tân cũ	Xã Gia Lộc	2.180	180	15.695.280.000	1.757.322.000	1.168.621.802	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
95	Trạm y tế xã Thanh Quang cũ (điểm Trường Thành cũ)	Xã Hà Đông	1.056	634	1.302.000.000	4.031.848.000	2.479.352.700	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
96	VKSND huyện Bình Giang	Xã Kẻ Sặt	1.600	620	2.640.000.000	2.635.464.000	662.265.242	1402/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
97	Phòng khám đa khoa khu vực Kẻ Sặt (thuộc Trung tâm y tế Bình Giang)	Xã Kẻ Sặt	460	528	1.500.000.000	592.127.700	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
98	Trụ sở Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Bình Giang cũ, đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Kẻ Sặt	Xã Kẻ Sặt	1.450	720	5.800.000.000	2.215.076.353	354.412.216	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
99	Trụ sở UBND xã Đoàn Xá	Xã Kiến Hải	4.706	1.361	14.115.000.000	16.959.997.000	11.214.936.314	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
100	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Phương (cũ)	Xã Kiến Minh	1.460	455	11.680.000.000	4.559.800.000	3.405.432.000	4374/QĐ-UBND ngày 01/11/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
101	Trụ Sở phòng Tài chính Kế hoạch huyện Kiến Thụy (cũ) - Thôn Cẩm Xuân, xã Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy	505	1.233	4.548.600.000	4.681.572.000	2.297.877.360	1398/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
102	Trụ sở BHXH cơ sở Đồ Sơn tại số 2 Cẩm Xuân, xã Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy	891	975.0	3,741,780,000	11,453,741,475	8,759,482,200	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
103	Trụ sở phòng Y tế huyện Kiến Thụy cũ (Thôn Cẩm Xuân)	Xã Kiến Thụy	499	401	598.320.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
104	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Kiến Thụy (cũ)	Xã Kiến Thụy	185	360	1.662.300.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
105	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Kiến Thụy (cũ)	Xã Kiến Thụy	858	656	4.324.824.000	-	-	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
106	Trụ sở UBND xã Cẩm La cũ (xã Đồng Cẩm mới), huyện Kim Thành cũ.	Xã Kim Thành	4.705	1.015	12.115.600.000	6.615.915.777	1.366.165.210	5232/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
107	Trạm Cầu Xe - Đoạn quản lý đường sông số 7 cũ	Xã Lạc Phượng	975	162	8.775.000.000	-	-	5092/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
108	Trụ sở HĐND-UBDN xã Lai Vu (cũ)	Xã Lai Khê	7.299	1.430	59.121.900.000	5.158.358.000	944.638.156	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
109	Trụ sở làm việc UBND xã Việt Hưng cũ (xã Tuấn Việt mới), huyện Kim Thành cũ.	Xã Lai Khê	5.724	1.085	38.850.000.000	3.881.945.946	357.635.355	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
110	Bến phà Tuần Mây (đất bờ Kinh Môn), xã Thăng Long, thị xã Kinh Môn cũ.	Xã Nam An Phụ	1.978	-	897.600.000	-	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
111	Trụ sở phòng Kinh tế và Hạ tầng (cũ)	Xã Nam Sách	1.200	290	7.296.000.000	275.450.000	-	4868/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
112	Trụ sở Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh (Chi cục Thuế huyện Nam Sách cũ)	Xã Nam Sách	1.831		-	-	-	1892/UBND-VP ngày 20/4/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
113	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách cũ (số 15 Hùng Vương)	Xã Nam Sách	750	361	7.500.000.000	1.582.475.000	643.637.138	1400/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
114	VKSND xã Nam Sách	Xã Nam Sách	1.500	677	2.728.000.000	3.292.328.802	845.988.684	1402/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
115	Thuế cơ sở 14	Xã Nam Sách	4.331	139	2.054.400.000	1.014.928.712	516.402.161	1305/QĐ-UBND ngày 03/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
116	Thuế cơ sở 8, xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	482	65	4.771.800.000	355.707.000	100.944.288	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
117	Trường Mầm non cũ địa chỉ: Thôn Tây Hàm Dương (thôn 4 cũ), xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	2.171	210	6.512.790.000	514.050.000	-	1398/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
118	VKSND huyện Ninh Giang	Xã Ninh Giang	1.500					1402/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
119	Trường THCS Hồng Dụ, huyện Ninh Giang cũ.	Xã Ninh Giang	3.107		50.232.000.000	-	-	5274/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
120	Trụ sở UBND xã Kim Khê cũ (xã Kim Liên mới), huyện Kim Thành cũ.	Xã Phú Thái	6.258	875	10.000.000.000	5.100.103.223	2.061.194.792	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
121	Trụ sở UBND xã Kim Xuyên	Xã Phú Thái	5.585	891	16.755.000.000	6.000.000.000	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
122	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành cũ	Xã Phú Thái	510	251	1.275.000.000	808.474.000	-	1400/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
123	Trụ sở Bảo hiểm xã hội cơ sở Kinh Môn thuộc xã Kim Thành	Xã Phú Thái	2.527	992	8,831,407,000	13,002,237,065	4,956,798,364	1305/QĐ-UBND ngày 03/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
124	Trụ sở UBND thị trấn Phú Thái (cũ)	Xã Phú Thái	1.186	937	3.907.000.000	2.277.300.000	-	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
125	Trụ sở UBND xã Kim Xuyên xây dựng cho Công an xã Kim Xuyên sử dụng	Xã Phú Thái	1.495	320	4.186.000.000	6.793.703.000	6.340.563.010	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
126	Trường mầm non Tiên Cường cơ sở 3 (thôn Đại Công, xã Tiên Cường cũ)	Xã Quyết Thắng	88	32	79.560.000	-	-	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
127	Cung Vạn Phúc Hạt 392, xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang cũ.	Xã Tân An	340	-	-	-	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
128	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà cũ	Xã Thanh Hà	2.280	300.0	27.360.000.000	3.563.973.715	235.985.057	1400/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
129	Trụ sở làm việc Phòng Tài chính-Kế hoạch	Xã Thanh Hà	1.044	250	2.611.500.000	3.007.669.000	1.136.000.000	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
130	Trụ sở làm việc của Trạm y tế Xã Thanh Tân Cũ (Trụ sở làm việc của Trạm y tế Xã Thanh Xá cũ; do Xã Thanh Thủy sát nhập với Xã Thanh Xá Thành Xã Thanh Tân)	Xã Thanh Hà	1.059	157	3.049.920.000	419.792.000	52.798.766	1891/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
131	Cung Cầu Tràng Hạt 37, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện cũ.	Xã Thanh Miện	988		2.370.600.000	-	-	5092/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
132	Nhà Văn hóa trung tâm xã Ngũ Hùng (nằm ngoài trụ sở UBND xã)	Xã Thanh Miện	5.301		23.854.500.000	-	-	1398/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
133	Trụ sở làm việc Hạt quản lý đường bộ cũ(Khu 4, thị trấn Tiên Lãng cũ)	Xã Tiên Lãng	921	686	13.740.000.000	-	-	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
134	Trụ sở UBND xã Quyết Tiến cũ	Xã Tiên Lãng	5.727	1.180	13.172.000.000	8.302.000.000	4.963.000.000	4984/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
135	Trụ sở BHXH cơ sở An Lão thuộc xã Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng	479	808	1.437.000.000	17.190.217.947	14.635.850.264	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
136	Cơ sở Nhà, đất là VKSND huyện Tiên Lãng (cũ) nay là xã Tiên Lãng	Xã Tiên Lãng	1.738	1.061	34.760.000.000	13.798.667.303	11.129.891.658	1402/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
137	Thuế cơ sở 8, xã Tiên Minh	Xã Tiên Minh	91	49	728.000.000	402.016.000	186.833.448	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
138	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ cũ	Xã Tứ Kỳ	500	220	1.250.000.000	568.520.000	-	1400/QĐ-UBND ngày 10/04/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
139	Kiot tại ngã 3 thị trấn Tứ Kỳ cũ	Xã Tứ Kỳ	211	172	8.420.000.000	-	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
140	Trường THCS Vĩnh Tiến cũ	Xã Vĩnh Am	2.200	987	16.852.000.000	813.450.000	-	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
141	Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo cũ	Xã Vĩnh Bảo	1.679	290	5.246.875.000	2.786.717.295	693.925.527	1400/QĐ-UBND ngày 10/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
142	Thuế cơ sở 8, xã Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Bảo	100	144	1.980.000.000	1.712.387.000	1.164.423.160	1305/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan

STT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích nhà (m2)	Nguyên giá đất (đồng)	Nguyên giá nhà (đồng)	Giá trị còn lại nhà (đồng)	Quyết định chuyển giao về Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Phương án xử lý
143	Trụ sở UBND xã Tân Liên	Xã Vĩnh Bảo	4.506	789	8.471.280.000	13.443.386.000	6.187.249.471	349/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
144	Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Vĩnh Bảo (cũ)	Xã Vĩnh Bảo	765	430	16.830.000.000	2.888.000.000	115.200.000	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
145	Trụ sở MTTQ huyện Vĩnh Bảo cũ	Xã Vĩnh Bảo	1.105	906	24.310.000.000	-	-	2532/QĐ-UBND ngày 01/07/2026	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
146	Trạm y tế xã Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa	783	75	-	125.000.000	-	5271/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan
147	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Bảo (cơ sở điều trị II Vĩnh Long)	Xã Vĩnh Hòa	1.000	410	1.200.000.000	-	-	5233/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	Chuyển giao về Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để xử lý, khai thác theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/06/2026, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/08/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan